| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y**<br>**TỈNH YÊN BÁI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 12/2018/ HNGĐ - ST
Ngày 12 / 6/ 2018.
V/v: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y, TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Băng.

2. Ông H2 Quốc Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Tô Kim Hiên – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc: " *Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 09/2018/TB-XX ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Phú N, xã Â, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Phú N, xã Â, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2018; bản tự khai;các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Â, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 11 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị T có quan hệ ngoại

tình, không quan tâm đến anh H và các con. Vợ chồng không thể chung sống cùng nhau, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị T ở thôn H, xã M, H1ện T, tỉnh Yên Bái từ tháng 11 năm 2013 đến nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 09/6/2010 và cháu Nguyễn H1 H2, sinh ngày 09/6/2010. Từ khi chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cháu H1 và cháu H2 vẫn ở cùng anh H. Nguyện vọng của anh H được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn chị Trần Thị T vắng mặt, không có lý do.*

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập chị Trần Thị T nhiều lần, nhưng chị T cố tình, lẩn tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T có đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Â, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T có quan hệ ngoại tình, không quan tâm đến chồng con, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay không quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh H và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị T.

[3]. Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 09/6/2010 và cháu Nguyễn Huy H2, sinh ngày 09/6/2010. Xét yêu cầu của anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi anh H và chị T ly thân từ năm 2013 đến nay, cháu H1, cháu H2

vẫn ở cùng anh H, chị T không thăm nom, chăm sóc con. Mặt khác, cháu H1, cháu H2 đều có nguyện vọng ở cùng anh H. Để cháu H1 và cháu H2 có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường. Do vậy, không cần thiết phải thay đổi môi trường sống của cháu H1 và cháu H2 . Cần giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay, giao cháu H1 và cháu H2 cho H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H, chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Các vấn đề khác.

- Về án phí : Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Trần Thị T.

**2.** Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 09/6/2010 và cháu Nguyễn Huy H2, sinh ngày 09/6/2010 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H1, cháu H2 đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi cháu H1, cháu H2 và có quyền nghĩa vụ thăm nom cháu H1, cháu H2 mà không ai được cản trở.

**3.** Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nH được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/000452 ngày 10/4//2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

**4**. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y;
- Các đương sự;
- UBND xã Â, thành phố Y;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Tuyến**